

**CÔNG TY TNHH GIA LONG LOGISTICS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIA LONG LOGISTICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA LONG LOGISTICS VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108535392

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5, hẻm 7, ngách 31 ngõ 15 TDP Phú Thứ, đường Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1430     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4641     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659     |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4741     |
| 8.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4742     |
| 9.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753     |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933     |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210     |

|     |                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>Logistics<br>Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu | 5229(Chính) |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày hàng hóa thời trang khác.                                                          | 7410        |
| 14. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                     | 9523        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                   | 8299        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                     | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                            | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                            | 4330        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                    | 4653        |
| 20. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                            | 1410        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                          | 1420        |
| 22. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                             | 1511        |
| 23. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                            | 1512        |
| 24. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                        | 1520        |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                   | 3320        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                     | 4321        |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác                                                                                    | 4649        |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                       | 4669        |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4771        |
| 30. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                  | 4782        |
| 31. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                           | 4791        |
| 32. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết:<br>Vận tải hàng hóa ven biển                                                                                                         | 5012        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                   | 5225        |

|     |                                     |      |
|-----|-------------------------------------|------|
| 34. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 35. | Bốc xếp hàng hóa                    | 5224 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH TRỌNG THANH | Thôn 4, Xã Đô Lương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                       | 600.000.000           | 60,000    | 151598818                                                                                                                                         |         |
| 2   | VŨ THỊ BƯỞI      | Khu 22, Thị trấn Thịnh Long, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                  | 400.000.000           | 40,000    | 163015826                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐINH TRỌNG THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151598818

Ngày cấp: 19/02/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, Xã Đô Lương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5, hẻm 7, ngách 31 ngõ 15 tổ dân phố Phú Thù, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội